



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 117 + 118

Ngày 15 tháng 9 năm 2016

## MỤC LỤC

Trang

### PHÂN VĂN BẢN KHÁC

#### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 08-8-2016- Quyết định số 3992/QĐ-UBND về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2

**PHẦN VĂN BẢN KHÁC****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3992/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 8 năm 2016***QUYẾT ĐỊNH****Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý  
của Sở Văn hóa và Thể thao được chuẩn hóa tại Thành phố Hồ Chí Minh****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015;

Thực hiện Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 31/01/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân thành phố năm 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 5955/TTr-STP ngày 21 tháng 7 năm 2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 12 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Điện ảnh, Nghệ thuật biểu diễn, Văn hóa cơ sở và Quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao được chuẩn hóa tại thành phố Hồ Chí Minh.

Danh mục và Nội dung chi tiết của thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ các Quyết định công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực Điện ảnh, Nghệ thuật biểu diễn, Văn hóa cơ sở và Quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa và Thể thao đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố công bố trước đây.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Giám đốc Sở Tư pháp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH****Nguyễn Thành Phong**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA  
SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 3992/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2016  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

STT	Tên thủ tục hành chính
<b>I. Lĩnh vực điện ảnh</b>	
1.	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim (- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu; - Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện: + Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến; + Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến)
2.	Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu).
<b>II. Lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn</b>	
1.	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương.
2.	Thủ tục cấp giấy phép cho phép tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang.
3.	Thủ tục cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương.
4.	Thủ tục cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương.
5.	Thủ tục đề nghị chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu.
6.	Thủ tục cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương.
7.	Thủ tục thông báo nội dung chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu.
<b>III. Lĩnh vực văn hóa cơ sở</b>	
1.	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh karaoke.
2.	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vũ trường.

**IV. Lĩnh vực quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.**

1.	Thủ tục cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ
----	--

**Phần II: NỘI DUNG CỤ THỂ ỬA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH****A. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hoá và Thể thao****I. Lĩnh vực điện ảnh:****1. Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim:****a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Cơ sở điện ảnh đề nghị cấp giấy phép phổ biến phim đối với các thể loại phim dưới đây nộp một (01) bộ hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút):

+ Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình;

+ Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện:

- Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến;
- Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến.

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Bước 3: Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt, Sở Văn hóa và Thể thao xem xét, tổ chức thẩm định điều kiện hành nghề theo quy định, cấp giấy phép phổ biến phim. Trường hợp không cấp giấy phép phải có Quyết định không cho phép phổ biến phim hoặc cấm phổ biến phim.

- Bước 4: Cơ sở điện ảnh căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:
- + Đơn đề nghị cấp giấy phép (theo Mẫu);
- + Giấy chứng nhận bản quyền phim.
- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình duyệt.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu phim.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Văn hóa và Thể thao.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép phổ biến phim hoặc Quyết định không cho phép phổ biến phim hoặc cấm phổ biến phim.

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Phiếu đề nghị cấp giấy phép phổ biến phim (theo Mẫu số 01/PBP Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL).
- Giấy phép phổ biến phim (theo Mẫu số 04/PBP Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL).
- Quyết định không cho phép phổ biến phim hoặc cấm phổ biến phim (theo Mẫu số 05/PBP Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL).

**i) Phí, lệ phí:** Mức thu phí thẩm định kịch bản phim và phim thực hiện theo biểu mức thu như sau:

Số TT	Nội dung công việc	Mức thu (đồng)
1	Thẩm định kịch bản phim, bao gồm phim của các hãng sản xuất phim, phim đặt hàng, tài trợ, hợp tác với nước ngoài và dịch vụ làm phim với nước ngoài: a) Kịch bản phim truyện: - Độ dài đến 100 phút (01 tập phim): - Độ dài từ 101 - 150 phút (1,5 tập):	3.600.000 5.400.000

Số TT	Nội dung công việc	Mức thu (đồng)
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập.</li> <li>b) Kịch bản phim ngắn, bao gồm: phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình:               <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ dài đến 60 phút: 1.500.000</li> <li>- Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện.</li> </ul> </li> <li>c) Kịch bản phim được thực hiện từ hoạt động hợp tác, cung cấp dịch vụ làm phim với nước ngoài:               <ul style="list-style-type: none"> <li>c.1) Phim truyện:                   <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ dài đến 100 phút (01 tập phim): 6.000.000</li> <li>- Độ dài từ 101 - 150 phút (1,5 tập): 8.000.000</li> <li>- Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập.</li> </ul> </li> <li>c.2) Phim ngắn:                   <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ dài đến 60 phút: 2.400.000</li> <li>- Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện.</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul>	
2	<ul style="list-style-type: none"> <li>Thẩm định phim:               <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Phim truyện:                   <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ dài đến 100 phút (01 tập phim): 1.800.000</li> <li>- Độ dài từ 101 đến 150 phút (1,5 tập): 2.700.000</li> <li>- Độ dài từ 151 đến 200 phút tính thành 02 tập.</li> </ul> </li> <li>b) Phim ngắn (tài liệu, khoa học, hoạt hình...):                   <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ dài đến 60 phút: 1.100.000</li> <li>- Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện.</li> </ul> </li> </ul> </li> </ul>	

– Mức thu quy định trên đây là mức thẩm định lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau thu bằng 50% mức thu tương ứng trên đây.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

– Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 có hiệu lực từ ngày 01/01/2007 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12 ngày 18 tháng 6 năm 2009 có hiệu lực từ ngày 07/7/2010.

– Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh ngày 29 tháng 6 năm 2006 và



---

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18 tháng 6 năm 2009.

– Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 9 năm 2011 hướng dẫn thực hiện một số quy định thủ tục hành chính trong lĩnh vực điện ảnh.

– Quyết định 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 9/7/2008 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về ban hành Quy chế thẩm định và cấp giấy phép phổ biến phim. Có hiệu lực từ ngày 09/8/2008.

– Thông tư 122/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2013 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kịch bản phim, phim, chương trình nghệ thuật biểu diễn; lệ phí cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh sản xuất phim, cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 2013.

– Quyết định số 34/2014/QĐ-UBND ngày 21 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc đổi tên Sở Văn hoá, thể thao và Du lịch thành Sở Văn hoá và Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh. Có hiệu lực từ ngày 31/10/2014.

**MẪU SỐ 01/PBP**

*(Ban hành kèm theo Quy định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 9 tháng 7 năm 2008 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

**TÊN CƠ SỞ ĐIỆN ẢNH ĐỀ  
NGHỊ THẨM ĐỊNH PHIM**

-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----

....., ngày ....tháng.....năm.....

**PHIẾU ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP PHỔ BIẾN PHIM**

Kính gửi: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch .....

Cơ sở điện ảnh (*tên cơ sở*) đề nghị thẩm định:

Bộ phim:

Tên gốc (*đối với phim nước ngoài*):

Thể loại (*phim truyện, phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình*):

Hãng sản xuất hoặc phát hành:

Nước sản xuất:

Năm sản xuất:

Nhập phim qua đối tác (*đối với phim nước ngoài*):

Biên kịch:

Đạo diễn:

Quay phim:

Chất liệu phim trình duyệt (*nhựa, băng hình, đĩa hình*):

Độ dài (*tính bằng phút*):

Màu sắc (*màu hoặc đen trắng*):

Ngôn ngữ:

Chủ sở hữu bản quyền:

Tóm tắt nội dung:

**GIÁM ĐỐC**

*(Ký tên và đóng dấu)*

**Mẫu số 04/PBP**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 9 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)*

Tên cơ quan chủ quản **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
 Tên cơ quan cấp giấy phép **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GPPBP ..... , ngày tháng năm

**GIẤY PHÉP PHỔ BIẾN PHIM**

**(CỤC TRƯỞNG CỤC ĐIỆN ẢNH HOẶC GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH, TP)**

Căn cứ Quyết định số .....ngày tháng năm của *(Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố)* ... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của *(Cục Điện ảnh hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*;

Căn cứ Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ban hành ngày 9 tháng 7 năm 2008 ;

Xét biên bản của Hội đồng thẩm định phim ngày ....tháng .... năm... và đề nghị của *(Phòng Phổ biến phim hoặc Phòng Nghiệp vụ)*

**CẤP GIẤY PHÉP PHỔ BIẾN PHIM**

Bộ phim:

Tên gốc (đối với phim nước ngoài):

Thể loại (truyện, tài liệu, khoa học, hoạt hình) :

Hãng sản xuất hoặc phát hành:

Nước sản xuất: Năm sản xuất:

Nhập phim qua đối tác (đối với phim nước ngoài):

Biên kịch:

Đạo diễn:

Quay phim:

Chất liệu phim trình duyệt (nhựa, băng hình, đĩa hình):

Độ dài (tính bằng phút):

Màu sắc (màu hoặc đen trắng): Ngôn ngữ:

Chủ sở hữu bản quyền:

Do cơ sở điện ảnh (tên cơ sở) đề nghị thẩm định:

*Chủ đề tư tưởng:*

Phạm vi được phép phổ biến:

Giấy phép này được giao cho cơ sở điện ảnh đề nghị thẩm định 3 bản và lưu tại cơ quan cấp giấy phép 1 bản.

**CỤC TRƯỞNG CỤC ĐIỆN ẢNH HOẶC  
GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO  
VÀ DU LỊCH TỈNH, TP**

*Ký tên, đóng dấu*

**Mẫu số 05/PBP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 9 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

Tên cơ quan chủ quản  
Tên cơ quan ký quyết định

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ

....., ngày tháng năm

**QUYẾT ĐỊNH**

**KHÔNG CHO PHÉP PHỒ BIẾN PHIM HOẶC CẤM PHỒ BIẾN PHIM**  
**CỤC TRƯỞNG CỤC ĐIỆN ẢNH HOẶC GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA,**  
**THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH, TP**

Căn cứ Luật Điện ảnh ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Nghị định số 96/2007/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2007 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện ảnh;

Căn cứ Quyết định số .....ngày tháng năm của (Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố) ... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của (Cục Điện ảnh hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch);

Xét biên bản của Hội đồng thẩm định phim ngày ....tháng .... năm... và đề nghị của (Phòng Phồ biến phim hoặc Phòng Nghiệp vụ)

**QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.**

Không cho phép (hoặc cấm phồ biến) bộ phim:

Tên gốc (đối với phim nước ngoài):

Thể loại (truyện, tài liệu, khoa học, hoạt hình):

Hãng sản xuất hoặc phát hành:

Nước sản xuất:

Năm sản xuất:

Nhập phim qua đối tác (đối với phim nước ngoài):

Biên kịch:

Đạo diễn:

Quay phim:

Chất liệu phim trình duyệt (nhựa, băng hình, đĩa hình) :

Độ dài (tính bằng phút):

Màu sắc (màu hoặc đen trắng):

Ngôn ngữ:

Chủ sở hữu bản quyền:

Do cơ sở điện ảnh (tên cơ sở) đề nghị thẩm định:

*Lý do:*

**Điều 2.** Kể từ ngày ký quyết định này, cơ sở điện ảnh có bộ phim trên đây không được phép phổ biến dưới bất kỳ hình thức nào.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng (Cục hoặc Sở), các Phòng chuyên môn, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

*Nơi nhận*

- Như Điều 2, Điều 3
- Lưu tại cơ quan ra quyết định

**CỤC TRƯỞNG HOẶC GIÁM ĐỐC SỞ**

Ký tên và đóng dấu

**2. Thủ tục cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu).**

**a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Cơ sở điện ảnh đề nghị cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình thẩm định, Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim. Trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản nêu rõ lý do.

– Bước 4: Cơ sở điện ảnh căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép (Theo mẫu);

+ Giấy chứng nhận bản quyền phim.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phim trình thẩm định.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu phim.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Văn hóa và Thể thao.

**g) Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim hoặc Quyết định không cho phép phổ biến phim hoặc cấm phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim.

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

– Đơn đề nghị cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL);

– Giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL);

– Quyết định không cho phép phổ biến phim hoặc cấm phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (Mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL).

**i) Phí, lệ phí:**

– Mức thu phí thẩm định kịch bản phim và phim thực hiện theo biểu mức thu như sau:

Số tt	Nội dung công việc	Mức thu (đồng)
1	Thẩm định kịch bản phim, bao gồm phim của các hãng sản xuất phim, phim đặt hàng, tài trợ, hợp tác với nước ngoài và dịch vụ làm phim với nước ngoài: a) Kịch bản phim truyện: - Độ dài đến 100 phút (01 tập phim): - Độ dài từ 101 - 150 phút (1,5 tập): - Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập. b) Kịch bản phim ngắn, bao gồm: phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình:	          3.600.000 5.400.000



Số tt	Nội dung công việc	Mức thu (đồng)
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ dài đến 60 phút:</li> <li>- Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện.</li> </ul> c) Kịch bản phim được thực hiện từ hoạt động hợp tác, cung cấp dịch vụ làm phim với nước ngoài: <ul style="list-style-type: none"> <li>c.1) Phim truyện:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ dài đến 100 phút (01 tập phim):</li> <li>- Độ dài từ 101 - 150 phút (1,5 tập):</li> <li>- Độ dài từ 151 - 200 phút tính thành 02 tập.</li> </ul> </li> <li>c.2) Phim ngắn:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ dài đến 60 phút:</li> <li>- Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1.500.000</li> <li>6.000.000</li> <li>8.000.000</li> <li>2.400.000</li> </ul>
2	Thẩm định phim: <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Phim truyện:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ dài đến 100 phút (01 tập phim):</li> <li>- Độ dài từ 101 đến 150 phút (1,5 tập):</li> <li>- Độ dài từ 151 đến 200 phút tính thành 02 tập.</li> </ul> </li> <li>b) Phim ngắn (tài liệu, khoa học, hoạt hình...):                             <ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ dài đến 60 phút:</li> <li>- Độ dài từ 61 phút trở lên thu như phim truyện.</li> </ul> </li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1.800.000</li> <li>2.700.000</li> <li>1.100.000</li> </ul>

– Mức thu quy định trên đây là mức thẩm định lần đầu. Trường hợp kịch bản phim và phim có nhiều vấn đề phức tạp phải sửa chữa để thẩm định lại thì các lần sau thu bằng 50% mức thu tương ứng trên đây

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

– Phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt đến người xem phim có nội dung chưa hoàn chỉnh.

– Phòng chiếu phim:

+ Có hệ thống cách âm, không để âm thanh lọt ra bên ngoài vượt quá giới hạn về độ ồn cho phép theo quy định của pháp luật;

+ Có trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật;

+ Có các dụng cụ y tế, cơ sở thuốc phù hợp để có thể sơ cứu trong trường hợp cần thiết;

+ Có bảng khuyến cáo về sức khỏe khi xem phim đối với trẻ em dưới 06 tuổi, phụ nữ có thai, những người mắc bệnh về tim mạch, xương khớp, những người say rượu, những người mắc chứng bệnh thần kinh;

+ Có nơi giữ, bảo quản đồ đạc, tư trang của khán giả trong thời gian xem phim.

– Ghế ngồi xem phim và các thiết bị, dụng cụ:

+ Ghế ngồi xem phim và các thiết bị, dụng cụ tạo hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim phải có xuất xứ rõ ràng và đáp ứng yêu cầu về quản lý chất lượng theo quy định của pháp luật;

+ Không sử dụng ghế ngồi xem phim và các thiết bị, dụng cụ đã bị hư hỏng hoặc kém chất lượng.

– Các hiệu ứng đặc biệt:

+ Khi sử dụng các hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim phải đảm bảo an toàn về sức khỏe cho người xem, an toàn về cháy, nổ và vệ sinh môi trường;

+ Không sử dụng các hóa chất độc hại tạo hiệu ứng đặc biệt làm ảnh hưởng đến sức khỏe của người xem phim.

#### **l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

– Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2007.

– Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Điện ảnh số 62/2006/QH11 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh số 31/2009/QH12. Có hiệu lực thi hành từ ngày 07 tháng 7 năm 2010.

– Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2013 quy định một số nội dung quản lý đối với hoạt động phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 4 năm 2014.

– Thông tư số 11/2011/TT-BVHTTDL ngày 19 tháng 9 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn thực hiện một số quy định liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực điện ảnh. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 2011.

---

– Thông tư 122/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2013 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kịch bản phim, phim, chương trình nghệ thuật biểu diễn; lệ phí cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh sản xuất phim, cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 2013.

– Quy chế thẩm định và cấp Giấy phép phổ biến phim ban hành kèm theo Quyết định số 49/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 09 tháng 7 năm 2008. Có hiệu lực thi hành từ ngày 09 tháng 8 năm 2008.

**Mẫu số 01**

*(Ban hành theo Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

**Tên cơ sở  
đề nghị thẩm định phim**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP PHỔ BIẾN PHIM  
CÓ SỬ DỤNG HIỆU ỨNG ĐẶC BIỆT TÁC ĐỘNG ĐẾN NGƯỜI XEM PHIM**

Kính gửi: *(Cục Điện ảnh hoặc Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch)*

Cơ sở điện ảnh, tổ chức, cá nhân *(họ và tên)* đề nghị thẩm định:

Bộ phim:

Tên gốc *(đối với phim nước ngoài)*:

Thể loại *(truyện, hoạt hình...)*:

Hãng sản xuất hoặc phát hành:

Nước sản xuất:

Năm sản xuất:

Nhập phim qua đối tác *(đối với phim nước ngoài)*:

Biên kịch:

Đạo diễn:

Kỹ xảo hình ảnh *(4D, 5D)*:

Chất liệu phim trình duyệt *(nhựa, kỹ thuật số, đĩa hình)*:

Độ dài *(tính bằng phút)*:

Màu sắc *(màu hoặc đen trắng)*:

Ngôn ngữ:

Chủ sở hữu bản quyền:

Tóm tắt nội dung và hiệu ứng tác động:

**Người đại diện theo pháp luật**

*Ký tên và đóng dấu*

**Mẫu số 04**

*(Ban hành theo Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

**Tên cơ quan chủ quản**  
**Tên cơ quan cấp giấy phép**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số...../GPPBP

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIẤY PHÉP PHỔ BIẾN PHIM**

**CÓ SỬ DỤNG HIỆU ỨNG ĐẶC BIỆT TÁC ĐỘNG ĐẾN NGƯỜI XEM PHIM**  
**(CỤC TRƯỞNG CỤC ĐIỆN ẢNH HOẶC GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH, THÀNH PHỐ)**

Căn cứ Luật Điện ảnh ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18 tháng 6 năm 2009 và Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện ảnh;

Căn cứ Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định một số nội dung quản lý đối với hoạt động phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của *(Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố)* ... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của *(Cục Điện ảnh hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*;

Xét biên bản của Hội đồng thẩm định phim ngày ... tháng ... năm ... và đề nghị của *(Phòng Phổ biến phim hoặc Phòng Nghiệp vụ)*,

**CẤP GIẤY PHÉP PHỔ BIẾN PHIM**

Bộ phim:

Tên gốc *(đối với phim nước ngoài)*:

Thể loại *(truyện, hoạt hình...)*:

Hãng sản xuất hoặc phát hành:

Nước sản xuất:

Năm sản xuất:

Nhập phim qua đối tác *(đối với phim nước ngoài)*:

Biên kịch:

Đạo diễn:

Kỹ xảo hình ảnh *(4D, 5D)*:

Chất liệu phim trình duyệt *(nhựa, kỹ thuật số, đĩa hình)*:

Độ dài *(tính bằng phút)*:

Màu sắc (*màu hoặc đen trắng*):

Ngôn ngữ:

Chủ sở hữu bản quyền:

Do cơ sở điện ảnh (*tên cơ sở*) đề nghị thẩm định:

Chủ đề tư tưởng và hiệu ứng tác động: .....

.....  
.....

Phạm vi được phép phổ biến:

Giấy phép này được giao cho cơ sở điện ảnh đề nghị thẩm định 03 bản và lưu tại cơ quan cấp giấy phép 1 bản./.

*Nơi nhận:*

- Cơ sở điện ảnh đề nghị thẩm định;
- Lưu....

**CỤC TRƯỞNG HOẶC GIÁM ĐỐC SỞ**

*(Ký tên và đóng dấu)*

**Mẫu số 05**

*(Ban hành theo Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

**Tên cơ quan chủ quản**  
**Tên cơ quan cấp giấy phép**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
Số...../GPPBP

-----  
....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**

**KHÔNG CHO PHÉP PHỔ BIẾN PHIM HOẶC CẤM PHỔ BIẾN PHIM CÓ SỬ DỤNG HIỆU ỨNG ĐẶC BIỆT TÁC ĐỘNG ĐẾN NGƯỜI XEM PHIM (CỤC TRƯỞNG CỤC ĐIỆN ẢNH HOẶC GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH, THÀNH PHỐ)**

Căn cứ Luật Điện ảnh ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện ảnh ngày 18 tháng 6 năm 2009 và Nghị định số 54/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện ảnh;

Căn cứ Thông tư số 20/2013/TT-BVHTTDL ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định một số nội dung quản lý đối với hoạt động phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của *(Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố)* ... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của *(Cục Điện ảnh hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*;

Xét biên bản của Hội đồng thẩm định phim ngày ... tháng ... năm ... và đề nghị của *(Phòng Phổ biến phim hoặc Phòng Nghiệp vụ)*,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Không cho phép (hoặc cấm phổ biến) bộ phim:

Tên gốc *(đối với phim nước ngoài)*:

Thể loại *(truyện, hoạt hình...)* :

Hãng sản xuất hoặc phát hành:

Nước sản xuất:

Năm sản xuất:

Nhập phim qua đối tác *(đối với phim nước ngoài)*:

Biên kịch:

Đạo diễn:

Kỹ xảo hình ảnh *(4D, 5D)*:

Chất liệu phim trình duyệt (*nhựa, băng hình, đĩa hình*) :

Độ dài (*tính bằng phút*):

Màu sắc (*màu hoặc đen trắng*):

Ngôn ngữ:

Chủ sở hữu bản quyền:

Do cơ sở điện ảnh (*tên cơ sở*) đề nghị thẩm định:

Lý do:

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**Điều 2.** Kể từ ngày ký Quyết định này, cơ sở điện ảnh có bộ phim trên đây không được phép phổ biến dưới bất kỳ hình thức nào.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng (Cục hoặc Sở), các Phòng chuyên môn, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

*Nơi nhận:*

- Như Điều 2, Điều 3
- Lưu....

**CỤC TRƯỞNG HOẶC GIÁM ĐỐC SỞ**

(*Ký tên và đóng dấu*)



## **II. Lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn:**

### **1. Thủ tục cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương:**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

– Bước 1: Tổ chức muốn tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận cho người nộp.

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Sở Văn hóa và Thể thao phải có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ;

– Bước 3: Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thẩm định hồ sơ:

+ Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

– Bước 4: Tổ chức căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

– Thành phần hồ sơ:

– 01 Đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (Theo mẫu);

– 01 bản nội dung chương trình, tác giả, đạo diễn, người biểu diễn; danh mục bộ sưu tập và mẫu phác thảo thiết kế đối với trình diễn thời trang;

– 01 bản nhạc hoặc kịch bản đối với tác phẩm đề nghị công diễn lần đầu (đối với bản nhạc hoặc kịch bản sử dụng tiếng nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt và chứng nhận của công ty dịch thuật);

– 01 văn bản cam kết thực thi đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền tác giả hoặc bản sao hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả; (Theo mẫu)

– 01 bản sao chứng thực quyết định cho phép tổ chức, cá nhân nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (đối với chương trình có sự tham gia của tổ chức, cá nhân nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài);

– 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu).

– Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Nhà hát; Đoàn nghệ thuật; Nhà Văn hóa; Trung tâm Văn hóa, Thể thao;

+ Doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang;

+ Hội Văn học, nghệ thuật; cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật;

+ Cơ quan phát thanh, cơ quan truyền hình;

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Văn hóa và Thể thao.

**g) Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (Theo mẫu số 01 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP);

- Văn bản cam kết thực thi đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền tác giả (Theo mẫu số 14 Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL);

– Giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang. (Theo mẫu số 08 Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL).

**i) Phí, lệ phí:**

Số TT	Độ dài thời gian của một chương trình (vở diễn) biểu diễn nghệ thuật	Mức thu phí (đồng /chương trình, vở diễn)
1	Đến 50 phút	1.000.000
2	Từ 51 đến 100 phút	1.500.000
3	Từ 101 đến 150 phút	2.500.000
4	Từ 151 đến 200 phút	3.000.000
5	Từ 201 phút trở lên	3.500.000

– Mức thu phí thẩm định các chương trình, vở diễn có mục đích từ thiện, nhân đạo bằng 50% mức phí quy định theo độ dài thời gian chương trình, vở diễn nêu tại biểu trên.

– Các chương trình, vở diễn có những vấn đề cần phải sửa chữa, thẩm định lại thì mức thu phí thẩm định chương trình, vở diễn lần sau bằng 50% mức thu phí thẩm định lần đầu.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

– Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

– Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

– Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

– Thông tư 122/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2013 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kịch bản phim, phim, chương trình nghệ thuật biểu diễn; lệ phí cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh sản xuất phim, cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 2013.

**Mẫu số 01**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ)*

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC  
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Cấp giấy phép biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang**

**Kính gửi:** - Cục Nghệ thuật biểu diễn, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

*(đối với tổ chức thuộc các cơ quan Trung ương)*

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố...

*(đối với các tổ chức thuộc địa phương)*

Nhà hát (Đơn vị)..... đề nghị Cục Nghệ thuật biểu diễn (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) cấp giấy phép biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang:

1. Tên chương trình:.....
2. Nội dung chương trình: .....
3. Thời lượng chương trình (số phút): .....
4. Người chịu trách nhiệm chương trình: .....
5. Thời gian: Từ ngày... tháng... năm..... đến ngày... tháng ... năm.....
6. Địa điểm:.....
7. Chúng tôi xin cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu, Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2016, Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lưu: Văn thư

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP  
LUẬT CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC  
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**  
*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

**Mẫu số 14**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

**TÊN TỔ CHỨC  
CAM KẾT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

..., ngày... tháng... năm ...

**ĐƠN CAM KẾT**

**Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thanh toán nhuận bút, thù lao sử dụng tác phẩm trong hoạt động nghệ thuật biểu diễn**

1. ... (Tổ chức thông báo) - Mã số thuế: ...

- Người đại diện theo pháp luật (viết chữ in hoa): ...- Giấy CMND số: ... cấp ngày .../.../..., nơi cấp...;

- Địa chỉ:.....;

- Số điện thoại liên hệ:.....;

2. Chúng tôi thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (hoặc giấy phép lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu):

- Tên chương trình: "...”;

(xin gửi kèm theo Danh Mục tác giả, tác phẩm, người biểu diễn...)

- Thời gian tổ chức: .....

- Địa Điểm:.....;

- Người chịu trách nhiệm: .....

3. Chúng tôi cam kết thực hiện:

- Chi trả nhuận bút, thù lao cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác và các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ;

- Chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả theo bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền do không thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu: Văn thư.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  
TỔ CHỨC THÔNG BÁO**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Mẫu số 08**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)*

**TÊN CƠ QUAN  
CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY PHÉP**

**Tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang**

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP**

Căn cứ Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu;

Căn cứ Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi Tiết thi hành một số Điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ... *(Cơ quan cấp giấy phép)*;

Xét đề nghị ngày ... tháng ... năm ... của ..... *(Tổ chức đề nghị cấp giấy phép)*;

Theo đề nghị của....,

**CHO PHÉP:**

**Điều 1:** ... *(Tổ chức đề nghị cấp giấy phép)* tổ chức chương trình “...”

*(Kèm theo nội dung chương trình và danh sách người tham gia).*

- **Thời gian:** Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

- **Địa Điểm:** .....

- **Chịu trách nhiệm chương trình:** ....

**Điều 2:** Yêu cầu ... *(Tổ chức đề nghị cấp giấy phép)*, các nghệ sĩ và các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện đúng nội dung Giấy phép và các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu; Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị



định số 79/2012/NĐ-CP; Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và quy định pháp luật có liên quan./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Thanh tra ... (để phối hợp);
- Lưu: VT, ..., ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

## **2. Thủ tục cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang**

### **a) Trình tự thực hiện:**

– **Bước 1:** Tổ chức đề nghị cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận cho người nộp.

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Sở Văn hóa và Thể thao phải có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ;

– **Bước 3:** Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thẩm định hồ sơ:

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân Thành phố cấp giấy phép cho phép tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

– **Bước 4:** Tổ chức căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

– Thành phần hồ sơ:

+ 01 đơn đề nghị cấp phép ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (Theo mẫu);

+ 01 bản nội dung chương trình, tác giả, đạo diễn, người biểu diễn; danh mục bộ sưu tập và mẫu phác thảo thiết kế đối với trình diễn thời trang;

+ 01 bản nhạc hoặc kịch bản đối với tác phẩm đề nghị công diễn lần đầu;

+ 01 bản sao văn bản thỏa thuận với tổ chức nước ngoài (bản dịch tiếng Việt có chứng nhận của công ty dịch thuật);

+ 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu).

– Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Nhà hát; Đoàn nghệ thuật; Nhà Văn hóa; Trung tâm Văn hóa, Thể thao;

+ Doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang;

+ Hội Văn học, nghệ thuật; cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật;

+ Cơ quan phát thanh, cơ quan truyền hình;

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

– Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố

– Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

**g) Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy phép hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân Việt Nam ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (Theo mẫu số 03 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP);

**i) Phí, lệ phí:**

<b>Số TT</b>	<b>Độ dài thời gian</b> của một chương trình (vở diễn) biểu diễn nghệ thuật	<b>Mức thu phí</b> (đồng /chương trình, vở diễn)
1	Đến 50 phút	1.000.000
2	Từ 51 đến 100 phút	1.500.000
3	Từ 101 đến 150 phút	2.500.000
4	Từ 151 đến 200 phút	3.000.000
5	Từ 201 phút trở lên	3.500.000

– Mức thu phí thẩm định các chương trình, vở diễn có mục đích từ thiện, nhân đạo bằng 50% mức phí quy định theo độ dài thời gian chương trình, vở diễn nêu tại biểu trên.

– Các chương trình, vở diễn có những vấn đề cần phải sửa chữa, thẩm định lại thì mức thu phí thẩm định chương trình, vở diễn lần sau bằng 50% mức thu phí thẩm định lần đầu.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

– Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

– Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

– Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số

---

điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

– Thông tư 122/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2013 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kịch bản phim, phim, chương trình nghệ thuật biểu diễn; lệ phí cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh sản xuất phim, cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 2013.

**MẪU SỐ 03**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP  
ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ)*

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC  
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân Việt Nam ra nước ngoài biểu diễn  
nghệ thuật, trình diễn thời trang**

**Kính gửi:** - Cục Nghệ thuật biểu diễn, Bộ Văn hóa, Thể thao  
và Du lịch  
*(đối với tổ chức thuộc các cơ quan Trung ương)*  
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố...  
*(đối với các tổ chức thuộc địa phương)*

Nhà hát (Đơn vị)..... đề nghị Cục Nghệ thuật biểu diễn (Sở Văn hóa, Thể thao  
và Du lịch) cấp giấy phép cho tổ chức (cá nhân) ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật,  
trình diễn thời trang:

1. Tên đoàn nghệ thuật (hoặc cá nhân):.....
2. Nội dung chương trình: .....
3. Người chịu trách nhiệm chương trình: .....
4. Thời gian: Từ ngày... tháng... năm..... đến ngày... tháng ... năm.....
5. Địa điểm:.....
6. Chúng tôi xin cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng  
10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang;  
thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc,  
sân khấu, Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung  
một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính

phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2016, Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

- Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: Văn thư

**CÁ NHÂN, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO  
PHÁP LUẬT CỦA CƠ QUAN, TỔ  
CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

### **3. Thủ tục cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương:**

#### **a) Trình tự thực hiện:**

– Bước 1: Tổ chức, cá nhân muốn mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Thành phố Hồ Chí Minh biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận cho người nộp.

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, nếu thấy hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định, Sở Văn hóa và Thể thao phải có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung hồ sơ;

– Bước 3: Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thẩm định hồ sơ:

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân Thành phố cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

– Bước 4: Tổ chức, cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ 01 đơn đề nghị cấp phép vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (Theo mẫu);

+ 01 bản sao văn bản thỏa thuận với cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoặc tổ chức, cá nhân nước ngoài (bản dịch tiếng Việt có chứng nhận của công



ty dịch thuật);

+ 01 bản sao hộ chiếu và văn bản nhận xét của cơ quan ngoại giao Việt Nam tại nước sở tại (đối với cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài);

+ 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu).

– Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Nhà hát; Đoàn nghệ thuật; Nhà Văn hóa; Trung tâm Văn hóa, Thể thao;

+ Doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang;

+ Hội Văn học, nghệ thuật; cơ sở đào tạo văn hóa nghệ thuật;

+ Cơ quan phát thanh, cơ quan truyền hình;

+ Chủ địa điểm, hộ kinh doanh tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

– Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố

– Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

**g) Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

– Đơn đề nghị cấp phép vào Việt Nam biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (Theo mẫu số 02 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP);

– Giấy phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (Theo mẫu số 09a ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL).

**i) Phí, lệ phí:**

<b>Số TT</b>	<b>Độ dài thời gian</b> của một chương trình (vở diễn) biểu diễn nghệ thuật	<b>Mức thu phí</b> (đồng /chương trình, vở diễn)
1	Đến 50 phút	1.000.000
2	Từ 51 đến 100 phút	1.500.000
3	Từ 101 đến 150 phút	2.500.000
4	Từ 151 đến 200 phút	3.000.000
5	Từ 201 phút trở lên	3.500.000

- Mức thu phí thẩm định các chương trình, vở diễn có mục đích từ thiện, nhân đạo bằng 50% mức phí quy định theo độ dài thời gian chương trình, vở diễn nêu tại biểu trên.

- Các chương trình, vở diễn có những vấn đề cần phải sửa chữa, thẩm định lại thì mức thu phí thẩm định chương trình, vở diễn lần sau bằng 50% mức thu phí thẩm định lần đầu.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không****l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

- Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

- Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số

---

điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

– Thông tư 122/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2013 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định kịch bản phim, phim, chương trình nghệ thuật biểu diễn; lệ phí cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh sản xuất phim, cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện của cơ sở điện ảnh nước ngoài tại Việt Nam. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 2013.

**Mẫu số 02**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP  
ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ)

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC  
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp giấy phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang**

**Kính gửi:** - Cục Nghệ thuật biểu diễn, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch  
(đối với tổ chức thuộc các cơ quan Trung ương)  
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố...  
(đối với các tổ chức thuộc địa phương)

Nhà hát (Đơn vị)..... đề nghị Cục Nghệ thuật biểu diễn (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) cấp giấy phép cho tổ chức (cá nhân) nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang.

1. Tên đoàn nghệ thuật (hoặc thông tin cá nhân: Số hộ chiếu, địa chỉ liên hệ tại Việt Nam hay ở nước ngoài)

2. Nội dung chương trình: .....

3. Thời lượng chương trình (số phút): .....

4. Người chịu trách nhiệm chương trình: .....

5. Thời gian: Từ ngày.... tháng... năm... đến ngày.... tháng .... năm...

6. Địa điểm:.....

7. Chúng tôi xin cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

- Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu: Văn thư

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP  
LUẬT CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC  
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**MẪU SỐ 09a**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)*

**TÊN CƠ QUAN  
CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY PHÉP**

**Cho tổ chức, cá nhân nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang  
BỘ TRƯỞNG BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH  
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...)**

Căn cứ Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu;

Căn cứ Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi Tiết thi hành một số Điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định (Nghị định) số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ... *(Cơ quan cấp giấy phép)*;

Xét đề nghị ngày...tháng... năm ... của .... *(Tổ chức đề nghị cấp giấy phép)*;

Theo đề nghị của ...,

**CHO PHÉP:**

**Điều 1.** .... *(Tổ chức đề nghị cấp giấy phép)* tổ chức cho ông/bà... (Hộ chiếu ... số ...) biểu diễn trong chương trình "...".

- **Thời gian:** Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

- **Địa Điểm:** .....

**Điều 2.** ... *(Tổ chức đề nghị cấp giấy phép)* thực hiện thủ tục:

- Đề nghị cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang theo quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP;

- Thông báo bằng văn bản về nội dung chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình

diễn thời trang đến Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao) ... theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 7 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP và Điều 2 Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**Điều 3.** Nghiêm cấm ... (*Tổ chức đề nghị cấp giấy phép*) ủy quyền, chuyển nhượng, cho mượn, cho thuê Giấy phép này dưới mọi hình thức.

**Điều 4.** Yêu cầu ... (*Tổ chức đề nghị cấp giấy phép*), các nghệ sĩ và các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện đúng nội dung Giấy phép và các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu; Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và quy định pháp luật có liên quan./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Thanh tra ... (*để phối hợp*);
- Lưu: VT, ..., ....

**BỘ TRƯỞNG**

**(TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH)**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

#### **4. Thủ tục cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương.**

##### **a) Trình tự thực hiện:**

– **Bước 1:** Tổ chức đề nghị cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- **Bước 3:** Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân Thành phố cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

##### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ 01 đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức cuộc thi (Theo mẫu);

+ 01 đề án tổ chức cuộc thi, trong đó nêu rõ: Thể lệ cuộc thi, quy chế hoạt động của Ban tổ chức, Ban giám khảo. Với nội dung, hình thức như sau:

- Tên cuộc thi thể hiện bằng tiếng Việt (trường hợp tên cuộc thi có sử dụng tiếng nước ngoài thì viết tên bằng tiếng Việt trước, tên nước ngoài sau).
  - Mục đích, ý nghĩa của cuộc thi phải thể hiện rõ và phù hợp với tên gọi của cuộc thi, quy mô, phạm vi tổ chức cuộc thi.
    - Thể lệ cuộc thi quy định rõ điều kiện, tiêu chí của thí sinh dự thi.
    - Nội dung, trình tự tổ chức, thời gian và địa điểm tổ chức cuộc thi.
    - Danh hiệu, cơ cấu giải thưởng, giá trị giải thưởng và thời gian trao giải.
    - Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân tổ chức cuộc thi.
    - Quyền và nghĩa vụ của thí sinh dự thi và thí sinh đạt giải.
- Đối với thí sinh dự thi:
- Thực hiện đúng thể lệ, quy chế của cuộc thi người đẹp, người mẫu do đơn vị tổ chức quy định;

- Tham dự đầy đủ các phần thi theo quy định tại đề án tổ chức cuộc thi.

- Đối với thí sinh đạt giải:

Trong thời gian tối đa 24 tháng, kể từ ngày đạt giải nhất trong cuộc thi người đẹp, người mẫu, phải thực hiện các hoạt động xã hội, từ thiện theo kế hoạch của Ban tổ chức cuộc thi đã được cơ quan cấp phép phê duyệt.

- Danh sách và quy chế hoạt động của Ban tổ chức, Ban giám khảo.
- Kinh phí tổ chức cuộc thi và có văn bản chứng minh nguồn tài chính tổ chức cuộc thi.

- Mẫu đơn đăng ký dự thi của thí sinh (Theo mẫu).

+ 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định này nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

- Tổ chức Việt Nam có đăng ký kinh doanh dịch vụ văn hóa, nghệ thuật hoặc



quyết định thành lập có chức năng hoạt động văn hóa, nghệ thuật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Tổ chức nước ngoài phối hợp với tổ chức Việt Nam có đăng ký kinh doanh dịch vụ văn hóa, nghệ thuật hoặc quyết định thành lập có chức năng hoạt động văn hóa, nghệ thuật của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tổ chức cuộc thi tại Việt Nam.”

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

**g) Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

- Đơn đề nghị cấp giấy phép tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu trong nước (Theo mẫu số 04 ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP);
- Mẫu đơn đăng ký dự thi người đẹp, người mẫu. (Theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL);
- Giấy phép tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu trong nước hoặc quốc tế. (Theo mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL).

**i) Phí, lệ phí:** Không.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

- Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

– Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

**MẪU SỐ 04**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP  
ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ)*

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC  
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Cấp giấy phép tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu trong nước**

- Kính gửi:**
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch  
*(đối với cuộc thi Người đẹp có quy mô toàn quốc,  
Người đẹp quốc tế, Người mẫu quốc tế tại Việt  
Nam)*
  - Cục Nghệ thuật biểu diễn  
*(đối với cuộc thi Người đẹp có quy mô vùng, ngành,  
đoàn thể Trung ương, Người mẫu có quy mô toàn  
quốc)*
  - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh  
*(đối với cuộc thi Người đẹp và người mẫu trong  
phạm vi địa phương)*

Đơn vị ..... đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Cục Nghệ thuật biểu diễn hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) cấp giấy phép tổ chức cuộc thi Người đẹp, Người mẫu tổ chức trong nước.

1. Tên đơn vị:.....
2. Tên cuộc thi: .....
3. Nội dung cuộc thi: .....
4. Người chịu trách nhiệm cuộc thi: .....
5. Thời gian: Từ ngày... tháng... năm..... đến ngày... tháng ... năm.....
6. Địa điểm:.....
7. Chúng tôi xin cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10

năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

- Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan.
- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lưu: Văn thư

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP  
LUẬT CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC  
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)**

**MẪU SỐ 05**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
**ĐƠN ĐĂNG KÝ THAM DỰ CUỘC THI “...”**

**Kính gửi:** ... (Ban tổ chức cuộc thi “...”)

1. Họ và tên: .....
2. Quốc tịch: .....
3. Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../.....
4. Nơi sinh: .....
- .....
5. Số CMND: ....., ngày cấp:...../...../..... Nơi cấp: .....
6. Hộ khẩu thường trú: .....
- .....
7. Địa chỉ liên lạc: .....
8. Điện thoại cố định:..... Điện thoại di động:.....
9. Địa chỉ Email: .....
10. Facebook: .....
11. Nghề nghiệp: .....
12. Nơi học tập/ công tác: .....
- .....
13. Khi cần, báo tin cho ai? Ở đâu? .....
- .....
14. Tình trạng hôn nhân:
  - a. Độc thân
  - b. Đã kết hôn
  - c. Ly hôn
15. Trình độ học vấn:
  - a. Tốt nghiệp Phổ thông trung học
  - b. Trung cấp
  - c. Cao đẳng
  - d. Đại học
  - đ. Sau đại học
16. Đăng ký nơi tham gia sơ tuyển: .....
17. Cam kết:
 

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu; Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể

thao và Du lịch và quy định pháp luật có liên quan;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của nội dung đăng ký dự thi;
- Đồng ý những Điều kiện, quy định của cuộc thi mà tôi tham gia.

**Hồ sơ kèm theo gồm:**

- 01 ảnh chân dung;
- 01 ảnh toàn thân;
- 01 ảnh chụp thí sinh mặc trang phục bikini;
- 01 bản sao Bằng tốt nghiệp THPT; Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời hoặc văn bản xác nhận của trường Đại học/Cao đẳng/Trung cấp đang theo học;
- 01 Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Chính quyền địa phương hoặc đơn vị đang học tập, công tác;
- 01 bản sao Giấy Khai sinh của cơ quan có thẩm quyền;
- 01 bản sao Giấy CMND hoặc Hộ chiếu của cơ quan có thẩm quyền.

..., ngày... tháng ... năm ...

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**MẪU SỐ 10**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)*

**TÊN CƠ QUAN  
CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /GP-...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY PHÉP**

Tổ chức cuộc thi “...”

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP  
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...)**

Căn cứ Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu;

Căn cứ Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi Tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định (Nghị định) số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ... *(Cơ quan cấp giấy phép)*;

Xét đề nghị ngày ... tháng ... năm ... của .....*(Tổ chức đề nghị cấp giấy phép)*;

Theo đề nghị của ...,

**CHO PHÉP:**

**Điều 1.** ... *(Tổ chức đề nghị cấp giấy phép)* tổ chức cuộc thi “.....”.

- **Thời gian:** Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...

- **Địa Điểm:**

+ Thi sơ tuyển và bán kết tại.....;

+ Thi chung kết tại .....

**Điều 2.** Yêu cầu... *(Tổ chức đề nghị cấp giấy phép)* thực hiện:

- Ban hành Quyết định thành lập, Quy chế hoạt động của Ban Tổ chức và Ban Giám khảo cuộc thi trong thời hạn 10 ngày làm việc, tính từ ngày ký ban hành Quyết định này;

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc tính từ ngày kết thúc vòng thi bán kết, Đơn vị tổ chức gửi văn bản báo cáo kết quả và toàn bộ bản sao hồ sơ của các thí sinh vào vòng chung kết về ... *(Cơ quan cấp giấy phép)*;

- Trước thời hạn 10 ngày, tính đến ngày diễn ra đêm chung kết, ... *(Tổ chức đề nghị cấp giấy phép)* báo cáo cơ quan cấp phép kịch bản đêm chung kết cuộc thi;

- Tổ chức cuộc thi theo đúng nội dung Giấy phép và các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu; Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Đề án cuộc thi và các quy định của pháp luật có liên quan. Mọi thay đổi trong Đề án tổ chức cuộc thi phải báo cáo và được sự chấp thuận của.....*(Cơ quan cấp giấy phép)*./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Thanh tra ... *(để phối hợp)*;
- Lưu: VT, ..., .....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN  
(TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH)**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*



## **5. Thủ tục đề nghị chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu.**

### **a) Trình tự thực hiện:**

– Bước 1: Tổ chức đề nghị chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành văn bản chấp thuận về địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

– Bước 4: Tổ chức căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ 01 đơn đề nghị (theo mẫu);

+ Đề án tổ chức cuộc thi;

+ 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức đề nghị chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu .

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

– Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân Thành phố.

– Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính: Sở Văn hóa và Thể thao.

**g) Kết quả thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận về địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

– Đơn đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận về địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu. (Theo mẫu số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL).

**i) Phí, lệ phí:** Không.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

– Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

– Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

– Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số

---

15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

**Mẫu số 06**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)*

**TÊN TỔ CHỨC  
ĐỀ NGHỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....  
..., ngày... tháng... năm ...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ****Chấp thuận địa Điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu**

Kính gửi:     - Ủy ban nhân dân .....;  
                  - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ....  
                  (Sở Văn hóa và Thể thao ...)

..... (Cơ quan, tổ chức) đề nghị Ủy ban nhân dân ... xem xét chấp thuận về địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu.

1. Tên cuộc thi: “...” (gửi kèm theo Đề án)
2. Người chịu trách nhiệm:.....
3. Thời gian tổ chức: Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm.....
4. Địa Điểm:.....
5. Chúng tôi xin cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu; Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và quy định pháp luật có liên quan;

- Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy

phép./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- Lưu: Văn thư.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  
CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Mẫu số 07**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH/ THÀNH PHỐ...**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /UBND-VX

..., ngày ... tháng ... năm ...

V/v chấp thuận đăng cai vòng  
chung kết cuộc thi “...”

**Kính gửi:** - ... *(Cơ quan cấp giấy phép)*;  
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch ...  
*(Sở Văn hóa và Thể thao ...)*;  
- ... *(Tổ chức đề nghị)*.

Tiếp nhận Đơn ngày ... tháng ... năm ... của ..... *(Tổ chức đề nghị)* đề nghị cho phép tổ chức vòng chung kết cuộc thi “...” tổ chức từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ... tại .... Về việc này, Ủy ban nhân dân ... có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận ... *(Đơn vị tổ chức cuộc thi)* tổ chức vòng chung kết cuộc thi “...”.

- Thời gian tổ chức: Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm.....;

- Địa điểm:.....

2. ... *(Đơn vị tổ chức cuộc thi)* thực hiện thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép theo đúng quy định của pháp luật.

3. Yêu cầu ... *(Đơn vị tổ chức cuộc thi)* thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu; Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và quy định pháp luật có liên quan./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- ...;
- Lưu: VT,.....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**CHỦ TỊCH**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

## **6. Thủ tục cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương.**

### **a) Trình tự thực hiện:**

– Bước 1: Tổ chức đề nghị cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút)

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định

– Bước 3: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao tổ chức thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương. Trường hợp không cấp giấy phép phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp cần gia hạn thời hạn thẩm định, cấp phép cũng không quá bảy (07) ngày làm việc.

– Bước 4: Tổ chức căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

– Thành phần hồ sơ:

+ 01 đơn đề nghị cấp giấy phép phê duyệt nội dung (theo mẫu);

- + 01 danh mục tác giả, tác phẩm, người biểu diễn;
- + 01 bản nhạc và lời hoặc kịch bản văn học (đối với tác phẩm nước ngoài phải có bản dịch tiếng Việt có chứng nhận của công ty dịch thuật);
- + 01 bản ghi âm, ghi hình có nội dung ca múa nhạc, sân khấu;
- + 01 văn bản cam kết thực thi đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền tác giả hoặc bản sao hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả; (theo mẫu)
- + 01 bản sao chứng thực quyết định phổ biến tác phẩm và quyết định cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia biểu diễn nghệ thuật (nếu trong chương trình có sử dụng tác phẩm sáng tác trước năm 1975, tác phẩm do người Việt Nam định cư ở nước ngoài sáng tác và nghệ sỹ là người Việt Nam định cư ở nước ngoài tham gia biểu diễn);
- + 01 mẫu thiết kế vỏ bản ghi âm, ghi hình;
- + 01 bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đối tượng lần đầu thực hiện thủ tục hành chính và đối tượng trong quá trình hoạt động đã có hành vi vi phạm quy định tại Điều 6 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP nộp bản sao có chứng thực hoặc mang bản gốc để đối chiếu).

– Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần gia hạn thời hạn thẩm định, cấp phép cũng không quá bảy (07) ngày làm việc.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Văn hóa và Thể thao.

**g) Kết quả thủ tục hành chính:** Giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do .

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

– Đơn đề nghị cấp giấy phép phê duyệt nội dung (Theo mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP);

– Văn bản cam kết thực thi đầy đủ các quy định của pháp luật về quyền tác giả hoặc bản sao hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả. (Theo mẫu số 14 Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL);



– Giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc và sân khấu sản xuất trong nước hoặc nhập khẩu. (Theo mẫu số 12 Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL).

**i) Phí, lệ phí:**

– Chương trình ca múa nhạc, sân khấu ghi trên băng đĩa: 150.000 đồng/block (Một block có độ dài thời gian là 15 phút).

– Chương trình ghi trên đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và các vật liệu khác:

+ Ghi dưới hoặc bằng 50 bài hát, bản nhạc: 1.500.000 đồng/chương trình.

+ Ghi trên 50 bài hát, bản nhạc: 1.500.000 đồng/chương trình + mức phí tăng thêm là 50.000 đồng/bài hát, bản nhạc. Tổng mức phí không quá 4.000.000 đồng/chương trình.

+ Chương trình ca múa nhạc bổ sung mới vào chương trình ca múa nhạc đã được thẩm định ghi trên đĩa nén, ổ cứng, phần mềm và các vật liệu khác: 50.000 đồng/bài hát, bản nhạc được bổ sung mới. Tổng mức phí không quá 4.000.000 đồng/một chương trình ca múa nhạc bổ sung mới.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

– Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

– Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.

– Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số

điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

– Thông tư 121/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2013 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp và dán nhãn kiểm soát băng, đĩa hình có chương trình; phí thẩm định chương trình trên băng, đĩa, phần mềm và trên vật liệu khác. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 10 năm 2013.

**MẪU SỐ 06**

(Ban hành kèm theo Nghị định số 79/2012/NĐ-CP  
ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ)

**TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC  
ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm ... ..

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc,  
sân khấu**

**Kính gửi:**

- Cục Nghệ thuật biểu diễn, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch  
(đối với tổ chức thuộc các cơ quan Trung ương)
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố...  
(đối với các tổ chức thuộc địa phương)

Đơn vị .....được thành lập ngày....tháng ....năm ... theo giấy phép số ... của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh, thành phố ...) cấp, có chức năng sản xuất, lưu hành và nhập khẩu bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

Thực hiện kế hoạch của đơn vị, chúng tôi đề nghị Cục Nghệ thuật biểu diễn (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) thẩm định và phê duyệt nội dung chương trình dưới đây:

1. Tên chương trình:.....
2. Thời lượng chương trình (số phút): .....
3. Người chịu trách nhiệm chương trình: .....
4. Chúng tôi xin cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu.

- Chịu trách nhiệm về mọi vi phạm pháp luật về quyền tác giả và quyền liên quan.

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: Văn thư

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  
CƠ QUAN, TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**MẪU SỐ 14**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)*

**TÊN TỔ CHỨC  
CAM KẾT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày... tháng... năm ...

**ĐƠN CAM KẾT**

**Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thanh toán nhuận bút, thù lao sử dụng tác phẩm trong hoạt động nghệ thuật biểu diễn**

**1.** ... (*Tổ chức thông báo*) - Mã số thuế: ...

- Người đại diện theo pháp luật (*viết chữ in hoa*): ...- Giấy CMND số: ... cấp ngày .../.../..., nơi cấp...;

- Địa chỉ: .....

- Số điện thoại liên hệ: .....

**2.** Chúng tôi thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang (*hoặc giấy phép lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu*):

- Tên chương trình: “...”;

*(xin gửi kèm theo Danh Mục tác giả, tác phẩm, người biểu diễn...)*

- Thời gian tổ chức: .....

- Địa Điểm: .....

- Người chịu trách nhiệm: .....

**3.** Chúng tôi cam kết thực hiện:

- Chi trả nhuận bút, thù lao cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác và các quy định của Luật Sở hữu trí tuệ;

- Chịu trách nhiệm bồi thường toàn bộ thiệt hại cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả theo bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền do không thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền tác giả, quyền liên quan.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu: Văn thư.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  
TỔ CHỨC THÔNG BÁO**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**MẪU SỐ 12**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)*

**TÊN CƠ QUAN  
CẤP GIẤY PHÉP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
Số: /GP-...

-----  
..., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY PHÉP**

**Phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc và sân khấu**

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CẤP GIẤY PHÉP**

Căn cứ Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu;

Căn cứ Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi Tiết thi hành một số Điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... của ... quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ... *(Cơ quan cấp giấy phép)*;

Căn cứ Tờ khai hải quan hàng nhập khẩu ngày ... tháng ... năm ... *(nếu là bản ghi âm, ghi hình nhập khẩu)*;

Căn cứ Biên bản thẩm định của Hội đồng nghệ thuật ngày ... tháng ... năm ...;

Xét đề nghị ngày ... tháng ... năm ... của .....*(Tổ chức đề nghị cấp giấy phép)*;

Theo đề nghị của ...,

**PHÊ DUYỆT:**

**Điều 1.** Chương trình “...” *(Tên bản ghi âm, ghi hình)*.

*(Có danh Mục tác phẩm, tác giả, người biểu diễn... kèm theo)*.

- Thời lượng chương trình: ...

- Định dạng bản ghi: ... *(CD, VCD, DVD hoặc tên thiết bị lưu trữ)*

- Người chịu trách nhiệm chương trình: ...

**Điều 2.** Nghiêm cấm ... *(Tổ chức đề nghị cấp giấy phép)* sửa chữa, xóa bỏ hoặc

bổ sung về nội dung, hình thức bản ghi âm, ghi hình kể từ ngày Giấy phép này được ban hành.

**Điều 3.** Yêu cầu.....(*Tổ chức đề nghị cấp giấy phép*) và các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện đúng nội dung Giấy phép và các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu; Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và quy định pháp luật có liên quan./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Thanh tra ... (*để phối hợp*);
- Lưu: VT, ..., ..

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**

(*Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu*)

## **7. Thủ tục thông báo nội dung chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu:**

### **a) Trình tự thực hiện:**

– Bước 1: Trong thời hạn ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày tổ chức, tổ chức, cá nhân tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời hạn bốn (04) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao trả lời bằng văn bản cho đối tượng thông báo.

– Bước 4: Tổ chức, cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

– Thành phần hồ sơ:

+ 01 văn bản thông báo (theo mẫu);

+ Giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang kèm theo danh mục nội dung chương trình được phê duyệt; giấy phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang hoặc giấy phép tổ chức cuộc thi người đẹp, người mẫu (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu);

+ Danh mục nội dung chương trình gồm tên tác phẩm, tác giả và người biểu diễn (đối với chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang không phải thực hiện thủ tục đề nghị cấp giấy phép quy định tại Khoản 1 Điều 11, Khoản 1 Điều 13, Khoản 1 và 2 Điều 15 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; Khoản 1 Điều 12, Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 79/2012/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại các Khoản 7 và 8 Điều 1 Nghị định số 15/2016/NĐ-CP).

– Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời gian giải quyết:** Trong thời hạn bốn (04) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Văn hóa và Thể thao.

**g) Kết quả thủ tục hành chính:** Văn bản trả lời.

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

– Văn bản thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu. (Theo mẫu số 01 Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL);

– Văn bản chấp thuận thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu. (Theo mẫu số 02 Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL).

**i) Phí, lệ phí:** Không.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

– Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

– Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu. Có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 5 năm 2016.



---

– Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu và Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP. Có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 5 năm 2016.

**MẪU SỐ 01**

*(Ban hành theo Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)*

**TÊN TỔ CHỨC  
THÔNG BÁO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...

..., ngày... tháng... năm ...

V/v tổ chức chương trình,  
cuộc thi...

Kính gửi: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao) ...

1. ... (Tổ chức thông báo) - Mã số thuế: ...

- Người đại diện theo pháp luật (*viết chữ in hoa*): ... - Giấy CMND số: ... cấp ngày .../.../..., nơi cấp...;

- Địa chỉ: .....

- Số điện thoại liên hệ: .....

2. Chúng tôi trân trọng thông báo đến Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao) ... việc tổ chức chương trình, cuộc thi “...”

- Thời gian tổ chức: .....

- Địa Điểm: .....

- Người chịu trách nhiệm: .....

3. Cam kết:

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu; Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và quy định pháp luật có liên quan;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung Thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật.

4. Hồ sơ kèm theo gồm:

- Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu) giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp, người mẫu;

- Danh mục nội dung chương trình gồm: Tên tác phẩm, tác giả và người biểu diễn;
- Bản sao có chứng thực (hoặc bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu) giấy phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, cá nhân là người Việt Nam định cư ở nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang *(nếu có)*.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lưu: Văn thư.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  
TỔ CHỨC THÔNG BÁO**

*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**MẪU SỐ 02**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH/THÀNH PHỐ...  
**SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO  
VÀ DU LỊCH**  
**(SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /SVHTTDL(SVHTT)-...

... , ngày ... tháng ... năm ...

V/v tổ chức chương trình, cuộc thi  
“...”

Kính gửi: ... (Tổ chức đề nghị)

Tiếp nhận Thông báo ngày ... tháng ... năm ... của ... (Tổ chức đề nghị) về việc tổ chức biểu diễn chương trình, cuộc thi “...”, sau khi xem xét, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Sở Văn hóa và Thể thao) ... có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận ... (Tổ chức đề nghị) tổ chức:

- Tên chương trình, cuộc thi: “...”;
- Thời gian: Từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm...;
- Địa

Điểm:.....;

- Người chịu trách

nhiệm:.....

2. Yêu cầu ... (Tổ chức đề nghị) thực hiện đúng nội dung Giấy phép và Văn bản này; quy định tại Nghị định số 79/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định về biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu; lưu hành, kinh doanh bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu; Nghị định số 15/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 79/2012/NĐ-CP; Thông tư số 01/2016/TT-BVHTTDL ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và quy định pháp luật có liên quan./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thanh tra Sở (để phối hợp);
- ...;
- Lưu: VT,....

**GIÁM ĐỐC**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

### **III. Lĩnh vực văn hóa cơ sở:**

#### **1. Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh karaoke.**

##### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân đủ điều kiện gửi một (01) bộ hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Bước 3: Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao xem xét, tổ chức thẩm định điều kiện hành nghề theo quy định, cấp giấy phép kinh doanh. Trường hợp không cấp giấy phép, phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

##### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

– Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh karaoke (theo mẫu);

+ Bản sao công chứng hoặc chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

– Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Văn hóa và Thể thao.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép kinh doanh karaoke hoặc văn bản từ chối cấp Giấy phép có nêu rõ lý do.

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

– Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh karaoke (Theo mẫu số 3 ban hành kèm theo Thông tư 05/2012/TT-BVHTT).

– Mẫu giấy phép kinh doanh karaoke (Mẫu số 25 Ban hành kèm theo Thông tư 07/2011/TT-BVHTTDL).

**i) Phí, lệ phí:**

– Từ 01 đến 05 phòng, mức thu lệ phí là 6.000.000đ/giấy;

– Từ 06 phòng trở lên, mức thu lệ phí là 12.000.000đ/giấy.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

– Địa điểm hoạt động karaoke phải cách trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa, cơ quan hành chính nhà nước từ 200m trở lên;

– Phòng karaoke phải có diện tích sử dụng từ 20m<sup>2</sup> trở lên, không kể công trình phụ, đảm bảo điều kiện về cách âm, phòng chống cháy, nổ;

– Cửa phòng karaoke phải là cửa kính không màu, bên ngoài nhìn thấy toàn bộ phòng;

– Không được đặt khóa, chốt cửa bên trong hoặc đặt thiết bị báo động để đối phó với hoạt động kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

– Đảm bảo ánh sáng trong phòng trên 10 lux tương đương 01 bóng đèn sợi đốt 40W cho 20m<sup>2</sup>;

– Đảm bảo âm thanh vang ra ngoài phòng karaoke không vượt quá quy định của nhà nước về tiêu chuẩn mức ồn tối đa cho phép;

– Phù hợp với quy hoạch karaoke được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

– Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng;

– Nghị định 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ

sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27 tháng 02 năm 2012;

– Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL ngày 16/12/2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định tại Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ.

– Thông tư 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

– Thông tư 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02/5/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL, Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL, Quyết định số 55/1999/QĐ-BVHTT. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 6 năm 2012;

– Thông tư số 156/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh vũ trường;

**MẪU SỐ 03**

(Ban hành kèm theo Thông tư 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02/05/2012  
của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

**TÊN TỔ CHỨC  
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH KARAOKE**

Kính gửi: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh.

**1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh**

(viết bằng chữ in hoa) .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: .....

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... ngày

cấp .....nơi cấp.....

**2. Nội dung đề nghị cấp giấy phép**

- Địa chỉ kinh doanh: .....

- Tên nhà hàng karaoke (nếu có): .....

- Số lượng phòng karaoke: .....

- Diện tích cụ thể từng phòng: .....

**3. Cam kết**

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 103/2009/NĐ-CP và các văn bản pháp luật liên quan khi hoạt động kinh doanh;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ xin giấy phép kinh doanh./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC/  
CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**

Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên (đối với tổ chức)

Ký, ghi rõ họ tên (đối với cá nhân)



## Mẫu số 25

(Ban hành kèm theo Thông tư 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 07 tháng 6 năm 2011  
của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

### **NHỮNG ĐIỀU KIỆN PHẢI THỰC HIỆN**

1. Phòng karaoke phải có diện tích từ 20m<sup>2</sup> trở lên, không kể công trình phụ.
2. Cửa phòng karaoke phải là cửa kính không màu, bên ngoài có thể nhìn thấy toàn bộ phòng.
3. Đảm bảo các điều kiện về an ninh, trật tự, cách âm, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường theo quy định.
4. Bảo đảm âm thanh vang ra ngoài phòng karaoke không vượt quá quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn mức ồn tối đa cho phép (trừ các điểm karaoke hoạt động ở vùng dân cư không tập trung). Ánh sáng trong phòng karaoke trên 10 Lux tương đương 01 bóng đèn sợi đốt 40W cho 20m<sup>2</sup>.
5. Không được đặt khóa, chốt cửa bên trong hoặc đặt thiết bị báo động để đối phó với hoạt động kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
6. Không được bán rượu hoặc để cho khách uống rượu trong phòng karaoke.
7. Chỉ được sử dụng bài hát đã được phép phổ biến; băng, đĩa đã dán nhãn kiểm soát theo quy định.
8. Mỗi phòng karaoke chỉ được sử dụng một nhân viên phục vụ từ 18 tuổi trở lên; nếu nhân viên phục vụ là người làm thuê thì phải có hợp đồng lao động và được quản lý theo quy định của pháp luật về hợp đồng lao động.
9. Không được hoạt động sau 12 giờ đêm đến 8 giờ sáng, trừ khách sạn từ 4 sao trở lên được hoạt động không quá 2 giờ sáng.
10. Nghiêm cấm các hành vi khiêu dâm, môi giới và mua bán dâm, mua, bán hoặc sử dụng ma túy tại phòng karaoke.

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

#### **SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO**

## **GIẤY PHÉP KINH DOANH KARAOKE**

Năm 20.....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY PHÉP**  
**KINH DOANH KARAOKE**

**GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**CẤP GIẤY PHÉP CHO:**

- Tên tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép (*viết chữ in hoa*):

.....  
- Năm sinh: ...../...../..... (*đối với cá nhân*)

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số :.....  
ngày..... do..... cấp

- Địa chỉ kinh doanh:.....

- Tên, biểu hiệu kinh doanh:.....

- Số lượng..... phòng

(*Những nội dung cần thiết khác.....*)

Số giấy phép.....

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày..... tháng..... năm.....

**GIÁM ĐỐC**

(*Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên*)

SỐ TT	VỊ TRÍ, KÍCH THƯỚC PHÒNG	DIỆN TÍCH (M <sup>2</sup> )

## **2. Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh vũ trường.**

### **a) Trình tự thực hiện:**

- Bước 1: Cơ sở lưu trú du lịch đã được xếp hạng sao hoặc hạng cao cấp, nhà văn hóa, trung tâm văn hóa có tư cách pháp nhân có đủ điều kiện gửi một (01) bộ hồ sơ tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

- Bước 3: Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hóa và Thể thao xem xét, tổ chức thẩm định điều kiện hành nghề theo quy định, cấp giấy phép kinh doanh. Trường hợp không cấp giấy phép, phải trả lời bằng văn bản, nêu rõ lý do.

- Bước 4: Tổ chức, cá nhân căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hóa và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi bưu điện đến trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vũ trường (theo mẫu);

+ Bản sao công chứng hoặc chứng thực giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày

nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ sở lưu trú du lịch đã được xếp hạng sao hoặc hạng cao cấp, nhà văn hóa, trung tâm văn hóa có tư cách pháp nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Văn hóa và Thể thao.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

– Giấy phép kinh doanh vũ trường hoặc văn bản từ chối cấp giấy phép có nêu rõ lý do.

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

– Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh vũ trường (Theo Mẫu số 4 Thông tư 05/2012/TT-BVHTT).

– Giấy phép kinh doanh vũ trường (Theo mẫu số 05 ban hành kèm theo Thông tư 05/2012/TT-BVHTTDL).

**i) Phí, lệ phí:** Mức thu lệ phí cấp giấy phép kinh doanh vũ trường là 15.000.000đ/giấy.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

Cơ sở lưu trú du lịch đã được xếp hạng sao hoặc hạng cao cấp, nhà văn hóa, trung tâm văn hóa có tư cách pháp nhân kinh doanh vũ trường phải có các điều kiện sau đây:

– Phòng khiêu vũ phải có diện tích từ 80m<sup>2</sup> trở lên, cách trường học, bệnh viện, cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng, di tích lịch sử - văn hóa, cơ quan hành chính nhà nước từ 200m trở lên, đảm bảo điều kiện về cách âm, phòng chống cháy, nổ;

– Trang thiết bị, phương tiện hoạt động của phòng khiêu vũ đảm bảo tiêu chuẩn âm thanh;

– Phù hợp với quy hoạch vũ trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

– Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng;

– Nghị định 01/2012/NĐ-CP ngày 04/01/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 27 tháng 02 năm 2012;

– Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL ngày 16/12/2009 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số quy định tại Quy chế hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng ban hành kèm Nghị định số 103/2009/NĐ-CP ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ.

– Thông tư 07/2011/TT-BVHTTDL ngày 7 tháng 6 năm 2011 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

– Thông tư 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02/5/2012 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2009/TT-BVHTTDL, Thông tư số 07/2011/TT-BVHTTDL, Quyết định số 55/1999/QĐ-BVHTT. Có hiệu lực từ ngày 15 tháng 6 năm 2012;

– Thông tư số 156/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp giấy phép kinh doanh karaoke, lệ phí cấp giấy phép kinh doanh vũ trường.

**Mẫu số 04**

(Ban hành kèm theo Thông tư 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 5 năm 2012  
của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

**TÊN TỔ CHỨC  
ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ  
CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH VỮ TRƯỜNG**

Kính gửi: Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh.

**1. Tên tổ chức đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh**

(viết bằng chữ in hoa) .....

- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: .....
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp..... nơi cấp..... (đối với doanh nghiệp)
- Số, ngày tháng năm quyết định thành lập (đối với nhà văn hóa, trung tâm văn hóa là đơn vị sự nghiệp) .....

**2. Người đại diện theo pháp luật**

- Họ và tên (viết bằng chữ in hoa): .....
- Năm sinh: .....
- Chức danh: .....
- Giấy CMND: Số ..... ngày cấp ...../...../..... nơi cấp .....

**3. Nội dung đề nghị cấp giấy phép**

- Địa chỉ kinh doanh: .....
- Số lượng phòng khiêu vũ: .....
- Diện tích cụ thể của từng phòng khiêu vũ: .....

**4. Cam kết**

- Thực hiện đúng các quy định tại Nghị định số 103/2009/NĐ-CP và các văn bản pháp luật liên quan khi hoạt động kinh doanh;

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ xin giấy phép kinh doanh./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC**  
**ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**  
*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

## Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Thông tư 05/2012/TT-BVHTTDL ngày 02 tháng 05 năm 2012 của Bộ Trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

### NHỮNG ĐIỀU KIỆN PHẢI THỰC HIỆN

1. Phòng khiêu vũ phải có diện tích từ 80m<sup>2</sup> trở lên.
2. Đảm bảo các điều kiện về an ninh, trật tự, cách âm, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường theo quy định.
3. Bảo đảm âm thanh vang ra ngoài phòng khiêu vũ không vượt quá quy định của Nhà nước và tiêu chuẩn mức ồn tối đa cho phép. Ánh sáng trong phòng khiêu vũ trên 10 Lux tương đương 01 bóng đèn sợi đốt 40W cho 20m<sup>2</sup>.
4. Có nội quy hoạt động được niêm yết công khai ở vũ trường để mọi người dễ nhận biết và thực hiện.
5. Chỉ sử dụng những bài hát, tác phẩm âm nhạc được phép lưu hành để khiêu vũ; người khiêu vũ phải mặc trang phục lịch sự.
6. Khi phát hiện người say rượu, bia, người sử dụng các chất ma túy và các chất kích thích bị cấm sử dụng phải yêu cầu người đó ra khỏi vũ trường ;
7. Không cho người dưới 18 tuổi làm việc hoặc vào khiêu vũ tại vũ trường ;
8. Nếu sử dụng nhân viên phục vụ phải có hợp đồng lao động và quản lý theo quy định của pháp luật về hợp đồng lao động.
9. Không được hoạt động sau 12 giờ đêm đến 8 giờ sáng, trừ khách sạn từ 4 sao trở lên được hoạt động không quá 2 giờ sáng.
10. Nghiêm cấm các hành vi nhảy múa thoát y hoặc các hành vi khác có tính chất khiêu dâm, môi giới và mua bán dâm, mua, bán hoặc sử dụng ma túy tại vũ trường.

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ.....

### SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

### GIẤY PHÉP KINH DOANH VŨ TRƯỜNG

Năm 20.....



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**GIẤY PHÉP**  
**KINH DOANH VŨ TRƯỜNG**

**GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**  
**TỈNH, THÀNH PHỐ.....**  
**CẤP GIẤY PHÉP CHO:**

- Tên tổ chức được cấp giấy phép (*viết chữ in hoa*):.....
- .....
- Địa chỉ: .....
- .....
- Họ và tên người đại diện: .....
- Năm sinh : ...../...../.....
- Chức vụ: .....
- Địa chỉ kinh doanh: .....
- Số lượng phòng khiêu vũ: .....
- (*Những nội dung cần thiết khác.....*)
- ....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**GIÁM ĐỐC**  
(*Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên*)

#### **IV. Lĩnh vực quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.**

##### **1. Thủ tục cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ**

###### **a) Trình tự thực hiện:**

– Bước 1: Cơ quan, tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật đề nghị cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng làm đạo cụ phù hợp với kịch bản phim, nội dung chương trình biểu diễn nghệ thuật gửi một (01) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hoá và Thể thao, số 164 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, Quận 1, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

– Bước 2: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hoá và Thể thao tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra tính hợp lệ và đầy đủ của các giấy tờ có trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ và đầy đủ theo quy định thì cấp Biên nhận hồ sơ có ghi rõ thời gian tiếp nhận và thời gian hẹn trả kết quả trao cho người nộp;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, công chức được phân công tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho người nộp hồ sơ bổ sung và hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

– Bước 3: Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Văn hoá và Thể thao xem xét, có văn bản trả lời về việc đồng ý triển khai thực hiện; trường hợp không đồng ý phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

– Bước 4: Cơ quan, tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Văn hoá và Thể thao, từ thứ Hai đến thứ Sáu và buổi sáng thứ Bảy (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

**b) Cách thức thực hiện:** Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện.

###### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ:**

– Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng/súng

săn/vũ khí thể thao/vật liệu nổ/công cụ hỗ trợ để làm đạo cụ (theo mẫu).

+ Bản sao chứng thực quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ quan, tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật;

+ Kịch bản phim hoặc bản nội dung chương trình biểu diễn nghệ thuật.

– Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

**d) Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ quan, tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Văn hóa và Thể thao.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản trả lời.

**h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

– Đơn đề nghị cho phép triển khai sử dụng vũ khí quân dụng/súng săn/vũ khí thể thao/vật liệu nổ/công cụ hỗ trợ để làm đạo cụ (Theo mẫu 02 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BVHTTDL).

– Mẫu Văn bản trả lời (Theo mẫu 03 ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BVHTTDL).

**i) Phí, lệ phí:** Không.

**k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:**

– Vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ làm đạo cụ hoặc để trưng bày, triển lãm được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật và phải bảo đảm một trong những điều kiện sau:

+ Vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ không còn tính năng, tác dụng;

+ Vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, công cụ hỗ trợ được tạm thời làm mất tính năng, tác dụng;

+ Vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng chỉ được sử dụng làm đạo cụ khi không còn biện pháp thay thế và phù hợp với kịch bản phim, nội dung chương trình biểu diễn nghệ thuật. Cơ quan chủ quản trực tiếp của cơ quan, tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật phải có văn bản đồng ý triển khai thực hiện; trường hợp cơ quan, tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ

thuật không có cơ quan chủ quản trực tiếp thì phải được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại nơi cơ quan, tổ chức đó đặt trụ sở chính đồng ý bằng văn bản. Đồng thời, việc triển khai thực hiện cần có sự phối hợp giữa cơ quan, tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật với Tổng cục Cảnh sát, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoặc cơ quan, đơn vị khác có chức năng và đủ điều kiện bảo đảm an ninh, an toàn trong quá trình sử dụng vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.

#### **l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

– Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BVHTTDL-BCA ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bộ trưởng Bộ Công an quy định quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ làm đạo cụ hoặc để trưng bày, triển lãm trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 3 năm 2015.

– Thông tư số 30/2012/TT-BCA ngày 29 tháng 5 năm 2012 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ và Nghị định số 25/2012/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2012 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ. Có hiệu lực từ ngày 20 tháng 7 năm 2012.

– Thông tư số 06/2015/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy phép mang vũ khí, công cụ hỗ trợ vào, ra khỏi lãnh thổ Việt Nam để trưng bày, triển lãm trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật; trình tự, thủ tục cho phép triển khai sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ làm đạo cụ. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2015.

**Mẫu 02**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BVHTTDL ngày 08/7/2015  
của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN  
CƠ QUAN, TỔ CHỨC  
ĐỀ NGHỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHO PHÉP TRIỂN KHAI SỬ DỤNG  
VŨ KHÍ QUÂN DỤNG/SÚNG SẴN/VŨ KHÍ THỂ THAO/  
VẬT LIỆU NỔ/CÔNG CỤ HỖ TRỢ ĐỂ LÀM ĐẠO CỤ**

Kính gửi: Tên cơ quan chủ quản/  
Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao.....

1. Tên cơ quan/tổ chức (ghi bằng chữ in hoa): .....

2. Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại:..... - Fax:.....

Website:..... - Email:.....

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật của cơ quan/tổ chức: .....

Giới tính:..... Chức danh:.....

Sinh ngày:...../...../..... Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu) còn giá trị sử dụng số: .....

Ngày cấp: ...../...../..... Nơi cấp: .....

4. Nội dung đề nghị:

- Loại vũ khí đề nghị sử dụng:

Vũ khí quân dụng

Súng săn

Vũ khí thể thao

- Vật liệu nổ đề nghị sử dụng: .....

- Công cụ hỗ trợ đề nghị sử dụng: .....

Loại hình: Phim/chương trình biểu diễn nghệ thuật (ghi rõ tên phim/chương trình  
biểu diễn nghệ thuật) .....

Lý do đề nghị: .....

Đề nghị ..... (ghi rõ tên cơ quan chủ quản hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao) cho phép triển khai thực hiện sử dụng vũ khí

quân dụng/súng săn/vũ khí thể thao/vật liệu nổ/công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng để làm đạo cụ trong phim/chương trình biểu diễn nghệ thuật.

Cam kết: Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC**  
*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

**Mẫu số 03**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2015/TT-BVHTTDL ngày 08 tháng 7 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

**CƠ QUAN CẤP TRÊN  
CƠ QUAN CHỦ QUẢN/  
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO  
VÀ DU LỊCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CV- .....

....., ngày ..... tháng .... năm... ..

V/v Triển khai thực hiện sử dụng vũ khí.../ vật liệu nổ/công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng làm đạo cụ

**Kính gửi:** ..... (1)

..... (2) đã nhận được Đơn đề nghị cho phép triển khai sử dụng vũ khí quân dụng/súng săn/vũ khí thể thao/vật liệu nổ/công cụ hỗ trợ để làm đạo cụ ngày ..... tháng ..... năm ..... của  
(1)

Sau khi xem xét kịch bản phim/bản nội dung chương trình biểu diễn nghệ thuật, ..... (2) đồng ý/không đồng ý (trường hợp không đồng ý ghi rõ lý do) cho cơ quan, tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng/súng săn/vũ khí thể thao/vật liệu nổ/công cụ hỗ trợ để làm đạo cụ.

Loại hình được sử dụng: Phim/chương trình biểu diễn nghệ thuật (ghi rõ tên phim/chương trình biểu diễn nghệ thuật).....

(1) có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền triển khai thực hiện theo quy định của Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ, Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BVHTTDL-BCA, Thông tư số ...../2015/TT-BVHTTDL và các văn bản pháp luật có liên quan./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: ...

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

(1) Tên cơ quan, tổ chức đề nghị.

(2) Tên cơ quan chủ quản hoặc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao.

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng